TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 750/2023/HS-PT
Ngày: 27/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- THành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 778/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Khổng Thị H1 phạm tội "Trốn thuế", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 28 ngày 4 năm 2023 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Khổng Thị H1, sinh ngày 23/02/1983; trú tại: Tổ dân phố LT, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn Đ và bà Lê Thị B; có chồng là Lê Đức T và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt không có lý do chính đáng.

Ngoài ra trong vụ án còn 01 bị cáo và 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty HH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28/3/2019, mã số doanh nghiệp: 2500517576. Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; sản xuất gia công các loại túi nhựa. Người đại diện theo pháp luật của Công ty HH là Hoàng Thị H2 - chức vụ Giám đốc. Công ty đăng ký kê khai, nộp thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc theo phương pháp khấu trừ thuế.

Ngày 01/01/2018, ngày 02/01/2019, ngày 02/01/2020, ngày 02/01/2021 và ngày 02/01/2022 Công ty HH cùng với Công ty cổ phần CASABLANCA, địa chỉ: cụm công nghiệp NS, thôn TM, xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang ký 05 hợp đồng may gia công. Nội dung hợp đồng thể hiện: Công ty cổ phần CASABLANCA thuê Công ty HH may túi xách làm từ chất liệu nhựa (Polypropylen). Thực hiện hợp đồng đã ký, Công ty HH đã mua hàng hóa, gồm: kim, chỉ, dao cắt máy tự động, con lăn... của Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên thương mại TTĐ, địa chỉ: phường LB, thành phô VY, tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH văn phòng phẩm TD, địa chỉ: xã TH, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngoài mua hàng hóa thực tế của 02 công ty trên, Hoàng Thị H2 - Giám đốc Công ty HH đã mua hàng hóa gồm: chỉ, kim, con lăn, dao cắt máy tự động, răng cưa, dây điện, bóng tuýp, ổ cắm, công tắc, quạt trần, đồng hồ điện,... của các cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (H2 không nhớ mua của những ai; không nhớ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của họ) để phục vụ cho việc xây dựng nhà xưởng và hoạt động sản xuất gia công túi xách nhựa với tổng số tiền là 4.397.095.700 đồng. Do các cá nhân không thành lập doanh nghiệp nên không có hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) xuất cho Công ty HH, trong khi đó Công ty cổ phần CASABLANCA yêu cầu Công ty HH phải xuất hóa đơn GTGT đối với số hàng hóa gia công theo đúng quy định. Vì vậy, Hoàng Thị H2 đã chỉ đạo Khổng Thị H1 - là kế toán Công ty HH tìm mua hóa đơn GTGT để sử dụng kê khai khấu trừ thuế GTGT. Thực hiện chỉ đạo của H2, H1 liên hệ mua hóa đơn qua Lê Thị Q với giá 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau đó, Q trực tiếp liên hệ với Nguyễn Văn T là chồng của bà Trần Thị H3 - Giám đốc Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ HH1 (Công ty HH1), địa chỉ: phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc mua hóa đơn GTGT của Công ty HH1 với giá 4,8% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Mỗi lần mua hóa đơn H1 là người cung cấp thông tin về Công ty HH, tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, tiền hàng, tiền thuế, tổng tiền thanh toán cho Q lập khống hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng rồi đưa cho T. Căn cứ vào thông tin, tài liệu do Q cung cấp, T lấy quyển hóa đơn GTGT của Công ty HH1 xé tờ hóa đơn GTGT liên 2 chưa ghi nội dung ra khỏi cuống rồi phô tô 01 bản, sau đó T đặt bản phô tô lên trên tờ hóa đơn GTGT liên 2 và đặt giấy nộp tiền (liên 1) hoặc ủy nhiệm chi (liên 1) của ngân Hàng (dạng giấy than) ở giữa rồi viết hóa đơn. Có tờ hóa đơn T bảo vợ (bà Trần Thị H3) ký trước khi ghi nội dung, có tờ hóa đơn T đóng dấu chữ ký của bà H3; còn hợp đồng, bảng kê thì Thọ đóng dấu chữ ký của bà H3 hoặc đưa cho bà H3 ký rồi đóng dấu chức danh, dấu của Công ty HH1. Thọ giấu không nói cho bà H3 việc T bán hóa đơn cho Công ty HH; khi đưa hóa đơn, hợp đồng và các tài liệu kèm theo cho bà H3 ký, T chỉ nói là để phục vụ cho việc mua bán Hàng hóa, dịch vụ thực tế của Công ty HH1 với Công ty HH

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến tháng 6/2022 bằng phương thức và thủ đoạn nêu trên Công ty HH đã mua trái phép 16 số hóa đơn GTGT (liên 2) của Công ty HH1, gồm: 0000134 ngày 27/9/2018, 0000506 ngày 16/6/2019, 0000726 ngày 27/12/2019, 0000733 ngày 30/12/2019, 0000914 ngày 15/6/2020, 0000917 ngày 22/6/2020, 0000926 ngày 26/6/2020, 0000006 ngày 05/5/2021, 0000053 ngày 28/5/2021, 0000071 ngày 23/6/2021, 0000242 ngày 24/9/2021, 0000248 ngày 27/9/2021, 0000257 ngày 30/9/2021, 0000473 ngày

28/12/2021, 0000519 ngày 24/01/2022 và 0000676 ngày 03/6/2022, ghi khống hàng hóa: chỉ, kim, con lăn, dao cắt máy tự động, răng cưa, dây điện, bóng tuýp, ổ cắm, công tắc, quạt trần, đồng hồ điện ... với tổng số tiền thanh toán là 4.397.095.700 đồng, trong đó tiền hàng là 4.002.411.000 đồng, tiền thuế GTGT: 394.684.700 đồng. Tiền mua 16 hóa đơn GTGT là 200.120.550 đồng (5% x 4.002.411.000 đồng), toàn bộ số tiền này được H2 thanh toán nhiều lần bằng tiền mặt, trong đó: Nguyễn Văn T được hưởng số tiền: 192.115.728 đồng (4,8% x 4.002.411.000 đồng), Lê Thị Q được hưởng số tiền: 8.004.822 đồng (0,2% x 4.002.411.000 đồng).

Để hợp thức cho việc mua bán hóa đơn thông qua chuyển khoản ngân hàng, Công ty HH đã 12 lần làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Công ty HH sang tài khoản của Công ty HH1. Sau khi tiền vào tài khoản của Công ty HH1, T và Q sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền này ra. Tổng số tiền hợp thức thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng là: 4.260.298.600đồng (còn 136.797.100 đồng chưa hợp thức), trong đó: 1.427.808.600 đồng là tiền Công ty HH vay của Ngân Hàng. Vay của Ngân Hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (Ngân Hàng Ngoại thương) là 527.808.600 đồng, vay của Ngân Hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc (Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng) là 900.000.000 đồng; số tiền còn lại là 2.832.490.000 đồng là tiền cá nhân của Q để nhằm mục đích được hưởng lợi số tiền 8.004.822 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: ngày 23/10/2018, Công ty HH làm thủ tục chuyển khoản số tiền 222.228.600 đồng từ tài khoản tiền vay của Công ty HH tại Ngân Hàng Ngoại thương đến số tài khoản 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (Ngân Hàng đầu tư). Sau đó, Q đưa cho H1 séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 để H1 đến Ngân hàng rút số tiền 222.228.600 đồng trong tài khoản của Công ty HH1 trả lại cho Hoàng Thị H2 - Giám đốc Công ty HH.

- Lần 2: ngày 10/10/2019, Công ty HH làm thủ tục chuyển khoản số tiền 165.220.000 đồng từ tài khoản tiền vay của Công ty HH tại Ngân Hàng Ngoại thương đến số tài khoản 119002687017 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (Ngân Hàng công thương). Sau đó, Q sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 do T đưa đến Ngân hàng rút số tiền 165.220.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 đưa cho H1 để H1 trả cho H2.

- Lần 3: ngày 03/4/2020, Công ty HH làm thủ tục chuyển khoản số tiền 140.360.000 đồng từ tài khoản tiền vay của Công ty HH tại Ngân Hàng Ngoại thương đến số tài khoản 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu tư. Sau đó, Q sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 do T đưa đến Ngân hàng rút số tiền 140.360.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 đưa cho H1 để H1 trả cho H2.

- Lần 4: ngày 30/9/2020, Q đưa cho H1 số tiền 342.200.000 đồng để nộp vào tài khoản số 12001014003268 của Công ty HH mở tại Ngân Hàng thương mại cổ phần (viết tắt là TMCP) Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (Ngân Hàng Hàng Hải). Sau đó, H1 sử dụng Ủy nhiệm chi của Công ty HH chuyển số

tiền 342.100.000 đồng vào tài khoản số 6661116101966 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (Ngân Hàng Quân đội). Sau khi tiền vào tài khoản của Công ty HH1, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 342.100.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 đưa cho Q, còn số tiền 100.000 đồng H2 trả cho Q bằng tiền mặt thông qua H1.

- Lần 5: ngày 22/7/2021, Công ty HH làm thủ tục chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản tiền vay của Công ty HH tại Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng đến số tài khoản 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu tư. Sau đó, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 300.000.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 đưa cho Q để trả lại cho H2 thông qua H1.

- Lần 6: ngày 29/7/2021, Q đưa cho H1 số tiền 401.000.000 đồng để nộp vào tài khoản số 12001014003268 của Công ty HH mở tại Ngân Hàng Hàng Hải. Sau đó, H1 sử dụng Ủy nhiệm chi của Công ty HH chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản số 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu tư. Sau khi tiền vào tài khoản của Công ty HH1, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 400.000.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 đưa cho Q, còn số tiền 1.000.000 đồng H2 trả cho Q bằng tiền mặt thông qua H1.

- Lần 7: ngày 28/12/2021, Q đưa cho H1 số tiền 700.000.000 đồng để nộp vào tài khoản số 12001014003268 của Công ty HH mở tại Ngân Hàng Hàng Hải. Sau đó, H1 sử dụng Ủy nhiệm chi của Công ty HH chuyển số tiền 700.000.000 đồng vào tài khoản số 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu tư. Sau khi tiền vào tài khoản của Công ty HH1, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 700.000.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 trả lại cho Q.

- Lần 8: ngày 30/12/2021, Q đưa cho H1 số tiền 290.500.000 đồng để nộp vào tài khoản số 12001014003268 của Công ty HH mở tại Ngân Hàng Hàng Hải. Sau đó, H1 sử dụng Ủy nhiệm chi của Công ty HH chuyển số tiền 290.440.000.000 đồng vào tài khoản số 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu tư. Sau khi tiền vào tài khoản của Công ty HH1, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 290.440.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 trả lại cho Q, còn 60.000 đồng H2 trả cho Q bằng tiền mặt thông qua H1.

- Lần 9: ngày 21/01/2022, Công ty HH làm thủ tục chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản tiền vay của Công ty HH tại Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng đến số tài khoản 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu tư. Sau đó, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 300.000.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 đưa cho Q trả lại cho H2 thông qua H1.

- Lần 10: ngày 18/5/2022, Q đưa cho H1 số tiền 600.000.000 đồng để nộp vào tài khoản số 12001014003268 của Công ty HH mở tại Ngân Hàng Hàng Hải. Sau đó, H1 sử dụng Ủy nhiệm chi của Công ty HH chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản số 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu

tư. Sau khi tiền vào tài khoản của Công ty HH1, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 600.000.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 trả lại cho Q.

- Lần 11: ngày 19/5/2022, Q đưa cho H1 số tiền 499.950.000 đồng để nộp vào tài khoản số 12001014003268 của Công ty HH mở tại Ngân Hàng Hàng Hải. Sau đó, H1 sử dụng Ủy nhiệm chi của Công ty HH chuyển số tiền 499.950.000 đồng vào tài khoản số 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu tư. Sau khi tiền vào tài khoản của Công ty HH1, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 499.950.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 trả lại cho Q.

- Lần 12: ngày 20/7/2022, Công ty HH làm thủ tục chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản tiền vay của Công ty HH tại Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng đến số tài khoản 42510001076587 của Công ty HH1 mở tại Ngân Hàng Đầu tư. Sau đó, T sử dụng séc lĩnh tiền mặt của Công ty HH1 đến Ngân hàng rút số tiền 300.000.000 đồng ra khỏi tài khoản của Công ty HH1 đưa cho Q trả lại cho H2 thông qua H1.

Sau khi mua 16 hóa đơn GTGT của Công ty HH1, H2 đã chỉ đạo H1 sử dụng để hợp thức Hàng hóa dịch vụ đầu vào, kê khai quyết toán thuế với cơ quan thuế và đã được khấu trừ toàn bộ số tiền thuế GTGT: 394.684.700 đồng.

Ngày 26/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có quyết định trưng cầu giám định số 447 trưng cầu Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, giám định: Hành vi của Hoàng Thị H2 - Giám đốc, Khổng Thị H1 - Kế toán Công ty HH mua 16 hóa đơn GTGT ghi khống Hàng hóa của Công ty HH1 hợp thức Hàng hóa, nguyên liệu đầu vào và kê khai quyết toán thuế với cơ quan thuế có phải là hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp để trốn thuế không? Trốn những loại thuế gì? Tổng số tiền thuế mà Công ty HH đã trốn không nộp vào ngân sách nhà nước là bao nhiêu? Số tiền phải truy thu là bao nhiêu?

Ngày 09/11/2022, Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định, kết luận:

+ Công ty TNHH MTV May HH sử dụng 16 hóa đơn GTGT đầu vào do Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ HH1 cung cấp để hợp thức hàng hóa, dịch vụ mua vào không có chứng từ là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn theo quy định tại khoản 8, khoản 9 và khoản 10, Điều 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ; tại Điều 23, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính và là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 và khoản 5, Điều 143, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội.

+ Công ty TNHH MTV May HH sử dụng 16 hóa đơn GTGT đầu vào do Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ HH1 cung cấp để hợp thức hàng hóa, dịch vụ mua vào không có chứng từ dẫn đến Công ty TNHH MTV May HH trốn thuế GTGT là 394.684.700 đồng.

+ Chưa có đủ căn cứ để xác định hành vi vi phạm về thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV May HH liên quan đến hành vi sử dụng bất hợp pháp đối với 16 hóa đơn GTGT nêu trên.

Ngày 04/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc tạm giữ số tiền 394.684.700 đồng do Hoàng Thị H2 tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 06 tháng 02 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo Hoàng Thị H2 và Khổng Thị H1 về tội "Trốn thuế" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Khổng Thị H1 phạm tội "Trốn thuế".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Khổng Thị H1.

Xử phạt bị cáo Khổng Thị H1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt của Hoàng Thị H2; quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2023, bị cáo Khổng Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và xin chuyển sang hình phạt tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và căn cứ nội dung kháng cáo của bị cáo, kết luận: bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội "Trốn thuế" theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng và không có thêm tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ (lần thứ 2) nhưng bị cáo vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viên kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà nội xét xử vắng mặt với bị cáo H1.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Hoàng Thị H2 và Khổng Thị H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến tháng 6/2022, Hoàng Thị H2 đã chỉ đạo Khổng Thị H1 là kế toán Công ty HH mua của Công ty HH1 16 số hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa:

chỉ, kim, con lăn, dao cắt máy tự động, răng cưa, dây điện, bóng tuýp, ổ cắm, công tắc, quạt trần, đồng hồ điện ... với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 4.397.095.700 đồng, trong đó tiền hàng là 4.002.411.000 đồng, tiền thuế GTGT: 394.684.700 đồng. H2 đã chỉ đạo H1 sử dụng 16 hoá đơn trên kê khai quyết toán thuế với cơ quan thuế và đã được khấu trừ toàn bộ số tiền thuế GTGT là 394.684.700 đồng.

Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hành vi sử dụng hoá đơn, chứng từ bất hợp pháp để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp của Hoàng Thị H2 và Khổng Thị H1 đã vi phạm khoản 4, Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và khoản 4,5 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về xử phạt đối với hành vi trốn thuế và gian lận thuế, đã gây hậu quả thất thu cho ngân sách nhà nước số tiền 394.684.700 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết hành vi của Hoàng Thị H2 và Khổng Thị H1 đã phạm vào tội "Trốn thuế"; được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến chế độ quản lý thuế của nhà nước, gây thất thu cho ngân sách nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình phát triển kinh tế, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: các bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo H2 đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền thuế trốn để khắc phục hậu quả và có bố đẻ là thương binh loại A 2/4 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Khổng Thị H1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm là có cơ sở.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H1 kháng cáo xin chuyển sang hình phạt tiền nhưng không xuất trình thêm chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Vi vậy, cần bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Khổng Thị H1 phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 355; điểm e, khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Khổng Thị H1; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, quyết định:

Tuyên bố bị cáo Khổng Thị H1 phạm tội "Trốn thuế".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Khổng Thị H1.

Xử phạt bị cáo Khổng Thị H1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo Khổng Thị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Ngoài ra, các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hồng Sơn **Hồ Sỹ Hưng** **Nguyễn Văn Cường**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại H1 Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường